

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học năm 2018;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 1456/NQ-ĐHHN ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Hà Nội, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Trào

QUY CHẾ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 428/QĐ-ĐHHN ngày 23 tháng 02 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tuyển sinh đại học các hình thức đào tạo của Trường Đại học Hà Nội (sau đây gọi là “Trường”), gồm: nguyên tắc, yêu cầu, điều kiện, quy trình tuyển sinh; quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh đại học Trường.

2. Quy chế này áp dụng đối với thí sinh và các đơn vị, cá nhân có liên quan đến công tác tuyển sinh của Trường.

3. Quy chế này không áp dụng đối với tuyển sinh của các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong văn bản này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phạm vi tuyển sinh* là các chương trình đào tạo (CTĐT), ngành và hình thức đào tạo được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc theo một phương thức tuyển sinh nhất định.

2. *Dự tuyển* là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào một ngành, CTĐT của Trường, thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Trường và hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung.

3. *Xét tuyển* là quy trình xử lý riêng tại Trường hoặc xử lý chung theo nhóm các cơ sở đào tạo để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào một CTĐT, ngành đào tạo, căn cứ các tiêu chí xét tuyển do Trường xác định.

4. *Xử lý nguyện vọng* là quy trình xử lý trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.

5. *Ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào)* là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành CTĐT.

6. *Xét tuyển thẳng* là việc công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng theo quy định của Quy chế này và đã đáp ứng yêu cầu về điều kiện dự tuyển nhưng không cần xét tới ngưỡng đầu vào.

7. *Tiêu chí xét tuyển* là những yếu tố được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh, chủ yếu dựa trên thành tích học tập hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh; thông thường được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét) trong đó đã bao gồm các điểm ưu tiên.

8. *Điểm trúng tuyển* (của một ngành, một CTĐT) là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào ngành, CTĐT đó) có điểm xét bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển.

9. *Điểm ưu tiên* là số điểm chênh lệch giữa mức điểm trúng tuyển áp dụng cho nhóm thí sinh được ưu tiên so với mức điểm trúng tuyển bình thường; hay cũng chính là số điểm mà nhóm thí sinh được cộng vào điểm xét để áp dụng mức điểm trúng tuyển bình thường.

10. *Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Trường* là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của Trường.

11. *Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT)* là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của các cơ sở đào tạo.

12. *Cổng thông tin tuyển sinh* là giao diện web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh.

13. *Mã xét tuyển* là một mã số quy ước thống nhất trong Trường dùng để định danh một ngành hoặc một CTĐT, cùng với phương thức tuyển sinh được áp dụng.

Điều 3. Nguyên tắc trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh

a) Về cung cấp thông tin: Thí sinh được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời trên các phương tiện truyền thông phù hợp;

b) Về cơ hội dự tuyển: Thí sinh có cơ hội dự tuyển một cách công bằng;

c) Về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh có cơ hội trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất trong số những ngành, CTĐT đủ điều kiện trúng tuyển.

2. Minh bạch đối với xã hội: các thông tin về tuyển sinh được Trường cung cấp đầy đủ, kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp để thí sinh, gia đình và xã hội biết và giám sát, đồng thời phục vụ trách nhiệm giải trình giải trình của Trường với cơ quan quản lý nhà nước và xã hội.

Điều 4. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng dự tuyển

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;

c) Người đã được công nhận tốt nghiệp trình độ đại học đối với hình thức đào tạo Bằng đại học thứ 2.

2. Điều kiện dự tuyển

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Trường;

b) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có hồ sơ dự tuyển đầy đủ thông tin theo quy định.

Điều 5. Phương thức tuyển sinh

1. Đối với hình thức đào tạo chính quy, Trường tuyển sinh bằng 03 phương thức, gồm: xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT, xét tuyển kết hợp theo quy định của Trường và xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT. Chi tiết về từng phương thức tuyển sinh được quy định tại Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường.

2. Đối với các hình thức đào tạo khác, Trường tuyển sinh bằng phương thức xét tuyển dựa trên hồ sơ dự tuyển của thí sinh, chi tiết được quy định tại Đề án tuyển sinh hằng năm.

Điều 6. Ngưỡng đầu vào chung cho các ngành đào tạo, chương trình đào tạo

Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng, Trường xác định và công bố ngưỡng đầu vào chung cho các ngành, CTĐT trong Đề án tuyển sinh hằng năm không thấp hơn ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Điều 7. Nguyên tắc xác định thí sinh trúng tuyển

1. Điểm trúng tuyển được xác định theo từng ngành, CTĐT, phù hợp với số chỉ tiêu đã công bố và không thấp hơn ngưỡng đầu vào chung của Trường.

2. Thí sinh trúng tuyển là người có tổng điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho tới khi hết chỉ tiêu của từng ngành, CTĐT. Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, Trường sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển.

Điều 8. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có Giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

- a) Thực hiện nghĩa vụ quân sự hoặc tham gia thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;
- b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học theo quy định, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều này phải có Đơn xin bảo lưu kết quả trúng tuyển kèm theo các minh chứng gửi tới Trường. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả trúng tuyển là 03 năm đối với người quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và 01 năm đối với người quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định của Trường, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục.

Điều 9. Đề án tuyển sinh

Nội dung chủ yếu của Đề án tuyển sinh bao gồm:

- 1. Thông tin giới thiệu về Trường, các ngành và CTĐT của Trường;
- 2. Thông tin về đội ngũ giảng viên, kết quả kiểm định chất lượng, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học), tỷ lệ có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn; chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;
- 3. Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm, đối tượng và điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành, CTĐT; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh.

Điều 10. Hội đồng tuyển sinh

1. Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) do Hiệu trưởng quyết định thành lập theo từng kỳ, đợt tuyển sinh và hình thức đào tạo để giúp Hiệu trưởng điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh. HĐTS được sử dụng con dấu của Trường để phục vụ các công việc theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Thành phần của HĐTS gồm:

- a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;
- b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng;

c) Ủy viên Thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng QLĐT;

d) Các ủy viên: Đại diện lãnh đạo các đơn vị đào tạo, các đơn vị chức năng liên quan và/hoặc cán bộ công nghệ thông tin;

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự tuyển vào Trường không được tham gia HĐTS của Trường và các ban giúp việc HĐTS Trường trong năm đó.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS:

- a) Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn;
- b) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;
- c) Tổng kết công tác tuyển sinh; đề xuất Trường khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS:

- a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm chung về công tác tuyển sinh;
- b) Thành lập các Ban thư ký và các ban chuyên môn (nếu cần) để giúp việc cho HĐTS;
- c) Phân công, ủy quyền cho các thành viên HĐTS thực hiện các công việc của HĐTS; kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên HĐTS.

Điều 11. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS gồm:

- a) Trưởng Ban: Đại diện lãnh đạo Phòng QLĐT;
- b) Các ủy viên: Một số cán bộ các đơn vị đào tạo, các đơn vị chức năng liên quan.

2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:

- a) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Trường các thông tin xét tuyển của Trường theo quy định;
- b) Tổ chức thu nhận hồ sơ dự tuyển của thí sinh;
- c) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;
- d) Lập và thông báo danh sách thí sinh trúng tuyển;
- đ) Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển theo quy định;
- e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

Chương II

XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

Điều 12. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

Căn cứ kế hoạch tuyển sinh đào tạo chính quy của Bộ GD&ĐT, Trường triển

khai các quy trình:

1. Xây dựng kế hoạch thực hiện các phương thức xét tuyển;
2. Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng thông tin tuyển sinh của Trường;
3. Tổ chức xét tuyển theo các phương thức xét tuyển quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy chế này;
4. Xử lý nguyện vọng trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung theo chu trình lập kết hợp với quy trình xét tuyển tại Trường;
5. Xác nhận nhập học trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung và tổ chức cho sinh viên nhập học tại Trường.

Điều 13. Ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực (theo Phụ lục II của Quy chế này)
 - a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;
 - b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;
 - c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:
 - Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;
 - Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.
 - Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức

ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ;

d) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (theo Phụ lục II của Quy chế này)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng ưu tiên 1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng ưu tiên 2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác: thực hiện theo quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số).

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này}$

Điều 14. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, CTĐT của Trường;

b) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc tốt nghiệp trung cấp) vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài dự thi, đoạt giải.

2. Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập bậc THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những thí sinh thuộc một trong những trường hợp dưới đây:

a) Là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do Trường quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

b) Là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh thuộc 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

c) Có nơi thường trú từ 03 năm trở lên, học 03 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ;

d) Thí sinh là người nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1897/QĐ-ĐHHN ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội.

Điều 15. Tổ chức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1. Căn cứ Đề án tuyển sinh đã công bố, Trường tổ chức cho thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.

2. Trường tổ chức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố kết quả theo kế hoạch.

3. Thí sinh trúng tuyển theo phương thức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển có thể xác nhận nhập học sớm (khi đủ điều kiện), hoặc theo kế hoạch chung như những thí sinh khác.

4. Thí sinh trúng tuyển theo phương thức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển chưa xác nhận nhập học vẫn được sử dụng quyền đăng ký xét tuyển trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để có thêm cơ hội trúng tuyển như những thí sinh khác.

Điều 16. Tổ chức xét tuyển kết hợp

1. Căn cứ Đề án tuyển sinh đã công bố, Trường tổ chức cho thí sinh đăng ký xét tuyển kết hợp theo quy định của Trường bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.

2. Trường tổ chức xét tuyển cho những thí sinh đã hoàn thành thủ tục dự tuyển, công bố và tải danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung.

Điều 17. Đăng ký xét tuyển trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung theo kế hoạch chung

1. Thời gian đăng ký xét tuyển đợt 1 hình thức đào tạo chính quy cho tất cả 03 phương thức tuyển sinh thực hiện theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

2. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy (bao gồm cả những thí sinh đã trúng tuyển theo phương thức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển kết hợp

của Trường) thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

3. Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, CTĐT khác nhau không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

4. Thí sinh thể hiện nguyện vọng của mình qua những lựa chọn trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung (theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT) như sau:

- a) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất);
- b) Lựa chọn ngành, CTĐT (mã ngành);
- c) Lựa chọn phương thức tuyển sinh (mã phương thức);
- d) Lựa chọn tổ hợp xét tuyển (mã tổ hợp) đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT theo môn thi, hoặc phương thức xét tuyển kết hợp.

Điều 18. Xét tuyển theo kế hoạch chung

1. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung, Trường tải thông tin, dữ liệu từ hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để phục vụ xét tuyển, bao gồm dữ liệu đăng ký nguyện vọng và kết quả thi tốt nghiệp THPT, kết quả học tập cấp THPT của những thí sinh dự tuyển vào Trường theo tất cả các phương thức tuyển sinh.

2. Nguyên tắc xét tuyển

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng ngành, CTĐT phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Đối với một ngành đào tạo, CTĐT xét tuyển theo một phương thức và tổ hợp môn, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng theo điểm xét không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, Trường sử dụng tiêu chí phụ là thứ tự nguyện vọng để xét chọn những thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn. Nếu áp dụng các tiêu chí phụ khác sẽ do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định;

d) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng để xét tuyển phải đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

3. Trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, CTĐT theo tất cả các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân trên trang thông tin điện tử của Trường.

Điều 19. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học

1. Trường gửi Giấy báo trúng tuyển và nhập học cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thông tin cần thiết đối với thí sinh khi nhập học.

2. Thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung trước khi nhập học tại Trường.

3. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận;

b) Nếu do ốm đau, tai nạn, phải có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, Trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả trúng tuyển;

c) Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, Trường chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả trúng tuyển.

Điều 20. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào các ngành, CTĐT, Hội đồng tuyển sinh của Trường xem xét, quyết định xét tuyển các đợt bổ sung. Trường công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung; điều kiện xét tuyển đối với các ngành, CTĐT theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt trước.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Trường.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Trường công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, CTĐT theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân; gửi Giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

Chương III

XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO VĂN BẰNG THỨ HAI, VỪA LÀM VỪA HỌC, ĐÀO TẠO TỪ XA

Điều 21. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

Căn cứ kế hoạch năm học, Trường xây dựng kế hoạch xét tuyển cả năm và từng đợt cho các hình thức đào tạo, ban hành thông báo tuyển sinh và tổ chức cho thí sinh đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp.

Điều 22. Tổ chức xét tuyển và nhập học

1. Kết thúc thời gian đăng ký dự tuyển, Trường tổ chức xét tuyển theo nguyên tắc điểm trúng tuyển được xác định theo đợt tuyển sinh đối với từng ngành, CTĐT phù hợp với số chỉ tiêu đã công bố, không thấp hơn ngưỡng đầu vào theo Đề án tuyển sinh hằng năm.

2. Trên cơ sở xét tuyển của mỗi đợt, Trường quyết định thí sinh trúng tuyển vào từng ngành, CTĐT.

3. Trường công bố điểm trúng tuyển vào từng ngành, CTĐT trên trang thông tin điện tử của Trường; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển; tiếp nhận và giải quyết các ý kiến liên quan đến điểm xét tuyển của thí sinh.

4. Trường ban hành thông báo nhập học và những thông tin cần thiết đối với thí sinh khi nhập học, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường.

5. Trường tổ chức cho thí sinh nhập học tại Trường.

6. Đối với những thí sinh không nhập học trong thời hạn quy định:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận;

b) Nếu do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, Trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả trúng tuyển;

c) Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, Trường chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả trúng tuyển.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm của Trường Đại học Hà Nội

1. Tổ chức xây dựng, công khai Đề án tuyển sinh hằng năm; ban hành các văn bản chỉ đạo, tài liệu hướng dẫn và tổ chức tuyển sinh theo Đề án tuyển sinh đã công khai.

2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác tuyển sinh của Trường theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan. Thực hiện trách nhiệm giải trình với xã hội và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về công tác tuyển sinh của Trường.

3. Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học lên hệ thống quản lý tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT theo thời gian quy định; thực hiện chế độ báo cáo tình hình

tuyển sinh và kết quả tuyển sinh theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

4. Bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu về tuyển sinh theo quy định của Trường và quy định của pháp luật.

Điều 24. Trách nhiệm của thí sinh

1. Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường.
2. Cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trong hồ sơ dự tuyển, hồ sơ nhập học.
3. Nộp lệ phí tuyển sinh theo quy định.

Điều 25. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển, tùy theo mức độ có thể bị hủy kết quả xét tuyển, bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào Trường trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.
2. Người có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo Quy định về xử lý kỷ luật viên chức, người lao động của Trường và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký Quyết định ban hành.
2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân báo cáo Hiệu trưởng (qua Phòng Quản lý đào tạo) để xem xét, quyết định.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Trào



Phụ lục I

(Kèm theo Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Hà Nội ban hành theo Quyết định số 428/QĐ-ĐHN ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM ...

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng đề án)

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Hà Nội

Mã của Trường: NHF

Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu): Km 9, Đường Nguyễn Trãi, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường: www.hanu.edu.vn.

Địa chỉ các trang mạng xã hội của Trường:

Facebook: @hanutuyensinh. Email: tuyensinh@hanu.edu.vn.

Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0962.263.280; (024) 38544338.

2. Quy mô đào tạo

Khối ngành/ Nhóm ngành*	Quy mô hiện tại							
	NCS	Học viên CH	ĐH		CD		TCSP	
			GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX
Khối ngành/ Nhóm ngành I *								
- Ngành 1								
- Ngành 2								
.....								
Khối ngành II								
Khối ngành III								
Khối ngành IV								
Khối ngành V								
Khối ngành VI								
Khối ngành VII								
Tổng (ghi rõ cả số NCS, học viên cao học, SV ĐH, CD, TCSP)								

Khối ngành/Nhóm ngành I *: Nhóm ngành đào tạo giáo viên, kê khai theo ngành

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1. *Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)*

3.2. *Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT)*

Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Khối ngành/ Nhóm ngành I*						
- Ngành 1						
Tổ hợp 1:						
Tổ hợp 2:						
Tổ hợp 3:						
.....						
- Ngành 2						
- Ngành 3						
- Ngành 4						
Khối ngành II						
Khối ngành III						
Khối ngành IV						
Khối ngành V						
Khối ngành VI						
Khối ngành VII						
Tổng						

Khối ngành/ Nhóm ngành I*: Kê khai theo ngành

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

1.1. *Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:*

- Tổng diện tích đất của trường;

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy (Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, thư viện, trung tâm học liệu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập);

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có).

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính
1.	Phòng thực hành ...	Tên thiết bị 1: Tên thiết bị 2:
2.	Phòng thí nghiệm...	Tên thiết bị 1: Tên thiết bị 2:

1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu		
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ		
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ		
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ		
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ		
1.5	Số phòng học đa phương tiện		
1.6	phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu		
2.	Thư viện, trung tâm học liệu		
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập		
	Tổng		

1.4. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo, sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành/Nhóm ngành I	
2.	Khối ngành II	
3.	Khối ngành III	
4.	Khối ngành IV	
5.	Khối ngành V	
6.	Khối ngành VI	
7.	Khối ngành VII	

1.5. Danh sách giảng viên cơ hữu

Khối ngành/ Nhóm ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH	CĐ
Khối ngành/ Nhóm ngành I						
Ngành 1...						
Nguyễn Văn A	X					
Lê văn B		X				
Hoàng Văn C`				X		
Ngành 2...						
.....						
Tổng của khối ngành/Nhóm ngành						
Khối ngành II						
.....						
Tổng của khối ngành						
Khối ngành III						
.....						
Tổng của khối ngành						
Khối ngành IV						
.....						
Tổng của khối ngành						
Khối ngành V						
.....						
Tổng của khối ngành						
Khối ngành VI						
.....						
Tổng của khối ngành						
Khối ngành VII						
.....						
Tổng của khối ngành						
GV các môn chung						
.....						
Tổng số giảng viên toàn Trường						

1.6. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Khối ngành/ Nhóm ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH	CD
Khối ngành/ Nhóm ngành I						
Ngành 1...						
Nguyễn Văn D		X				
Lê Văn E			X			
Hoàng Văn F	X					
Ngành 2...						
.....						
Tổng của khối ngành/nhóm ngành I						
Khối ngành II						
.....						
Tổng của khối ngành						
Khối ngành III						
.....						
Tổng của khối ngành						
Khối ngành IV						
.....						
Tổng của khối ngành						
Khối ngành V						
.....						
Tổng của khối ngành						
Khối ngành VI						
.....						
Tổng của khối ngành						
Khối ngành VII						
.....						
Tổng của khối ngành						
Tổng số giảng viên toàn Trường						

III. Các thông tin của năm tuyển sinh

1. Tuyển sinh chính quy ĐH (Bao gồm các chương trình chất lượng cao)

1.1. Đối tượng tuyển sinh

1.2. Phạm vi tuyển sinh

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

Ghi rõ năm bắt đầu đào tạo, quyết định cho phép của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định tự chủ thực hiện của trường đối với Ngành trong Nhóm ngành, Khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật;

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Ghi chú
1						
2						
3						

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

1.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

1.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

1.12.1. Tuyển sinh bổ sung đợt 1:

1.12.2. Tuyển sinh bổ sung đợt 2:

1.12.3. Tuyển sinh bổ sung đợt 3:

1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh			Số SV/HS trúng tuyển nhập học			Số SV/HS tốt nghiệp			Trong đó số SV/HS tốt nghiệp đã có việc làm trong 1 năm kể từ khi tốt nghiệp		
	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP
Khối ngành/Nhóm ngành												
Khối ngành II												
Khối ngành III												
Khối ngành IV												
Khối ngành V												
Khối ngành VI												
Khối ngành VII												
Tổng												

1.14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường;
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh.

2. Tuyển sinh vừa làm vừa học

2.1. Đối tượng tuyển sinh

2.2. Phạm vi tuyển sinh

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

2.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

2.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

2.12.1. Tuyển sinh bổ sung đợt 1:

2.12.2. Tuyển sinh bổ sung đợt 2:

3. Tuyển sinh Bằng đại học thứ 2

3.1. Đối tượng tuyển sinh

3.2. Phạm vi tuyển sinh

3.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

3.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

3.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

3.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

3.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

3.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

3.11.1. Tuyển sinh bổ sung đợt 1:

3.11.2. Tuyển sinh bổ sung đợt 2:

4. Tuyển sinh đào tạo từ xa

4.1. Đối tượng tuyển sinh

4.2. Phạm vi tuyển sinh

4.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

4.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

4.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

4.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

4.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

4.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

4.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

4.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

4.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

4.12.1. Tuyển sinh bổ sung đợt 1:

4.12.2. Tuyển sinh bổ sung đợt 2:

Cán bộ kê khai

Ngày.....tháng năm 202

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

HIỆU TRƯỞNG



PHỤ LỤC II

(Kèm theo Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Hà Nội ban hành theo Quyết định số 428/QĐ-ĐHNN ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng)

Phần I. Phân chia khu vực tuyển sinh

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

Phần II. Đối tượng chính sách ưu tiên

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
Nhóm UT1	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;
04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

	d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm UT2</i>	
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.
06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
07	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện; b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên; d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.